

Số: /QĐ-CĐCĐ

Sóc Trăng, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành mức thu học phí học lại
các môn học lý thuyết, thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng
tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG

Căn cứ Quyết định số 1251/QĐ-LĐTĐ ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Sóc Trăng, Trường Trung cấp Y tế Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 628/QĐ-CĐCĐ ngày 24/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành mức thu học phí giai đoạn 2024 - 2027 tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mức thu học phí học lại các môn học lý thuyết, thực hành trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.

(có các bảng dự toán chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ học kỳ II năm học 2024 - 2025.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HT, PHT (chỉ đạo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG**Đinh Thị Thái Hà**

BẢNG TÍNH HỌC PHÍ 01 TÍN CHỈ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDCE ngày tháng 01 năm 2025
của Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Sóc Trăng)

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành	Trình độ	Số tín chỉ	Học phí 1 tháng	Số tháng	Học phí toàn khóa học	Học phí 1 tín chỉ
1	Giáo dục Mầm non	51140201	Cao đẳng	96	580.000	30	17.400.000	181.250
2	Dược	6720201	Cao đẳng	105	1.087.000	30	32.610.000	310.571
3	Điều dưỡng	6720301	Cao đẳng	106	1.087.000	30	32.610.000	307.642
4	Kế toán	6340301	Cao đẳng	88	580.000	30	17.400.000	197.727
5	Quản trị kinh doanh	6340404	Cao đẳng	86	580.000	30	17.400.000	202.326
6	Quản trị văn phòng	6340403	Cao đẳng	83	580.000	30	17.400.000	209.639
7	Tin học ứng dụng	6480205	Cao đẳng	115	676.000	30	20.280.000	176.348
8	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng	81	580.000	30	17.400.000	214.815
9	Công tác xã hội	6760101	Cao đẳng	81	580.000	30	17.400.000	214.815
10	Thương mại điện tử	6340122	Cao đẳng	91	580.000	30	17.400.000	191.209
11	Hướng dẫn du lịch	6810103	Cao đẳng	90	580.000	30	17.400.000	193.333
12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	Cao đẳng	87	580.000	30	17.400.000	200.000
13	Dược	5720201	Trung cấp	76	1.087.000	20	21.740.000	286.053
14	Điều dưỡng	5720301	Trung cấp	81	1.087.000	20	21.740.000	268.395
15	Pháp luật	5380101	Trung cấp	60	627.000	20	12.540.000	209.000
16	Sáng tác âm nhạc	5210227	Trung cấp	75	580.000	20	11.600.000	154.667
17	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (Dàn nhạc ngũ âm Khmer)	5210216	Trung cấp	66	580.000	20	11.600.000	175.758

DỰ TOÁN CHI PHÍ TỐI THIỂU, SỐ LƯỢNG HỌC SINH, SINH VIÊN ĐỂ MỞ LỚP DẠY 01 TÍN CHỈ LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDCEĐ ngày tháng 01 năm 2025
của Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Sóc Trăng)

STT	NỘI DUNG CHI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	THÀNH TIỀN (đồng)
1.	Tiền giảng dạy	giờ	15	60.000	900.000
2.	Quản lý	%	5		45.000
3.	Thuế và chi phí khác	%	10		90.000
Tổng cộng					1.035.000

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành	Trình độ	Học phí 1 tín chỉ	Số học sinh sinh viên tối thiểu mở lớp
1.	Giáo dục Mầm non	51140201	Cao đẳng	181.250	6
2.	Dược	6720201	Cao đẳng	310.571	3
3.	Điều dưỡng	6720301	Cao đẳng	307.642	3
4.	Kế toán	6340301	Cao đẳng	197.727	5
5.	Quản trị kinh doanh	6340404	Cao đẳng	202.326	5
6.	Quản trị văn phòng	6340403	Cao đẳng	209.639	5
7.	Tin học ứng dụng	6480205	Cao đẳng	176.348	6
8.	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng	214.815	5
9.	Công tác xã hội	6760101	Cao đẳng	214.815	5
10.	Thương mại điện tử	6340122	Cao đẳng	191.209	5
11.	Hướng dẫn du lịch	6810103	Cao đẳng	193.333	5
12.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	Cao đẳng	200.000	5
13.	Dược	5720201	Trung cấp	286.053	4
14.	Điều dưỡng	5720301	Trung cấp	268.395	4
15.	Pháp luật	5380101	Trung cấp	209.000	5
16.	Sáng tác âm nhạc	5210227	Trung cấp	154.667	7
17.	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (Dàn nhạc ngũ âm Khmer)	5210103	Trung cấp	175.758	6

Ghi chú: Nếu số HSSV học lại một lớp ít hơn số HSSV tối thiểu thì số HSSV hiện có phải chịu toàn bộ kinh phí cho một lớp học hoặc phải chờ khóa sau ghép lớp để đảm bảo nguồn kinh phí.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN CHI PHÍ TỐI THIỂU, SỐ LƯỢNG HỌC SINH SINH VIÊN
ĐỂ MỞ LỚP DẠY 01 TÍN CHỈ THỰC HÀNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDCE ngày tháng 01 năm 2025
của Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Sóc Trăng)

Stt	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Hệ số thực hành	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tiền giảng dạy	Giờ	30	1	60.000	1.800.000
2	Vật tư thực hành (nếu có)	HSSV	10		25.000	250.000
3	Quản lý	%	5			102.500
4	Thuế và CP khác	%	10			205.000

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành	Trình độ	Học phí 1 tín chỉ	Số học sinh sinh viên tối thiểu mở lớp
1	Giáo dục Mầm non	51140201	Cao đẳng	181.250	10
2	Dược	6720201	Cao đẳng	310.571	8
3	Điều dưỡng	6720301	Cao đẳng	307.642	8
4	Kế toán	6340301	Cao đẳng	197.727	10
5	Quản trị kinh doanh	6340404	Cao đẳng	202.326	10
6	Quản trị văn phòng	6340403	Cao đẳng	209.639	10
7	Tin học ứng dụng	6480205	Cao đẳng	176.348	10
8	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng	214.815	10
9	Công tác xã hội	6760101	Cao đẳng	214.815	10
10	Thương mại điện tử	6340122	Cao đẳng	191.209	10
11	Hướng dẫn du lịch	6810103	Cao đẳng	193.333	10
12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	Cao đẳng	200.000	10
13	Dược	5720201	Trung cấp	286.053	8
14	Điều dưỡng	5720301	Trung cấp	268.395	9
15	Pháp luật	5380101	Trung cấp	209.000	10
16	Sáng tác âm nhạc	5210227	Trung cấp	154.667	10
17	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (Dàn nhạc ngũ âm Khmer)	5210216	Trung cấp	175.758	10

Ghi chú: Nếu số HSSV học lại một lớp ít hơn số HSSV tối thiểu thì số HSSV hiện có phải chịu toàn bộ kinh phí cho một lớp học hoặc phải chờ khóa sau ghép lớp để đảm bảo nguồn kinh phí.